

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ QUAO  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/DS-ST

Ngày: 11-3-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Danh Thị Kiều Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Đào

Ông Nguyễn Văn Trường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:**  
Bà Thị Kim Lài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP H1 (M);

Trụ sở chính: E N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Q1 ;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Đức Q: chị Trần Phương T – sinh năm 2000, chức vụ: Chuyên viên Tổ tụng (có mặt);

**- Bị đơn:** Anh Võ Hoàng K, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt)

Chị Trương Diễm T1, sinh năm 1988 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Trương Văn P, sinh năm 1956 (có đơn xin vắng mặt)

Bà Võ Thị Tuyết H, sinh năm 1957 (có mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2022 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP H1 (M) và lời trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền bà Trần Phương T như sau:*

Ngân hàng TMCP H1 – Chi nhánh H2 và anh Võ Hoàng K, chị Trương Diễm T1 thỏa thuận với nhau là Ngân hàng cho anh chị vay số tiền gốc là 320.000.000đồng và hai bên tiến hành ký kết Hợp đồng cho vay số: 0054/2020/HĐCV ký ngày 22/9/2020 và Văn bản đồng thuận ngày 22/9/2020 về “vay vốn và cùng trả nợ cho Ngân hàng” cụ thể như sau:

+ Anh K, chị T1 vay của Ngân hàng số tiền gốc: 320.000.000đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng);

+ Mục đích vay: vay tiêu dùng mua sắm trang thiết bị nội thất gia đình;

+ Ngày giải ngân và ngày nhận nợ: ngày 23/9/2020

+ Thời hạn vay: 72 tháng;

+ Lãi suất cho vay: 13,1%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn;

+ Hình thức thanh toán: Trả nợ gốc đều hàng tháng và lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần.

Để đảm bảo cho Hợp đồng cho vay nêu trên, ông Trương Văn P, bà Võ Thị Tuyết H (là cha mẹ ruột của chị T1) đã tự nguyện ký kết Hợp đồng thế chấp số: 0054/2020/BĐ ngày 22/9/2020 để bảo đảm Hợp đồng cho vay số: 0054/2020/HĐCV ký ngày 22/9/2020, cụ thể tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất số CU 952506, sổ vào sổ cấp GCN: CH03752 diện tích 436,5m<sup>2</sup> thuộc thửa 01, tờ bản số 183-2019; địa chỉ thửa đất: khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện G cấp ngày 08/4/2020 do ông Trương Văn P và bà Võ Thị Tuyết H đứng tên.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, anh K, chị T1 đã trả cho Ngân hàng được số tiền 160.930.601đồng (trong đó gốc 117.222.212 đồng và lãi 43.708.389 đồng); tuy nhiên, anh K, chị T1 đã nhiều lần vi phạm thời gian trả nợ và Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở cũng như tạo điều kiện cho anh K, chị T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn nhưng anh chị vẫn không thực hiện đầy đủ. Tính đến ngày 11/3/2025 vợ chồng anh K, chị T1 còn nợ Ngân hàng là 297.771.624đồng (Trong đó: vốn gốc là 202.777.778 đồng, lãi trong hạn là 81.685.894 đồng và lãi quá hạn là 13.307.942đồng).

Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP H1 chị Trần Phương T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Võ Hoàng K, chị Trương Diễm T1 trả một lần đủ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 11/3/2025 là 297.771.624đồng (Trong đó: vốn gốc là 202.777.778 đồng, lãi

trong hạn là 81.685.894 đồng và lãi quá hạn là 13.307.942 đồng) và lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: 0054/2020/HĐCV ký ngày 22/9/2020. Nếu anh K, chị T1 không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp đứng tên ông Trương Văn P và bà Võ Thị Tuyết H để thu hồi nợ. Ngoài ra, chị P không trình bày thêm ý kiến gì.

*\* Tại bản tự khai ngày 30/6/2023 của bị đơn anh Võ Hoàng K trình bày:* Anh và vợ tên Trương Diễm T1 có vay của Ngân hàng TMCP H1 - Chi nhánh H2 số tiền gốc là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) theo Hợp đồng cho vay số 0054/2020/HĐCV ngày 22/9/2020, Mục đích vay: Vay tiêu dùng. Thời hạn vay là 72 tháng; Lãi suất vay: 13,1%/ năm. Lãi quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn. Trả gốc và lãi hàng tháng.

Để đảm bảo cho Hợp đồng vay nêu trên thì có ông Trương Văn P và bà Võ Thị Tuyết H (là cha mẹ ruột của chị Trương Diễm T1) có ký kết Hợp đồng thế chấp số: 0054/2020/BĐ ngày 22/9/2020 là thế chấp tài sản cho Ngân hàng gồm Quyền sử dụng đất số CU 952506, sổ vào sổ cấp GCN: CH03752 diện tích 436,5m<sup>2</sup> thuộc thửa 01, tờ bản số 183-2019; địa chỉ thửa đất: khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện G cấp ngày 08/4/2020 do ông Trương Văn P và bà Võ Thị Tuyết H đứng tên. Tài sản thế chấp này hiện nay do ông P, bà H đang trực tiếp đang ở.

Anh K thừa nhận còn nợ Ngân hàng và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng anh K cho rằng do điều kiện kinh tế gia đình anh hiện nay rất khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

*\* Tại bản tự khai ngày 15/6/2023 và tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Trương Diễm T1 trình bày như sau:* Chị thừa nhận chị và anh Võ Hoàng K có vay của Ngân hàng TMCP H1 - Chi nhánh H2 số tiền gốc là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) theo Hợp đồng cho vay số: 0054/2020/HĐCV ngày 22/9/2020; Mục đích vay: Vay tiêu dùng. Thời hạn vay là 72 tháng; Lãi suất vay: 13,1%/ năm. Lãi quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn. Trả gốc và lãi hàng tháng.

Do chị và anh K không có tài sản thế chấp nên chị đã nhờ cha mẹ ruột của chị là ông Trương Văn P và bà Võ Thị Tuyết H thế chấp tài sản để đảm bảo cho hợp đồng vay của chị và anh K, vì thương con và muốn giúp đỡ con làm ăn nên cha mẹ chị đồng ý ký kết Hợp đồng thế chấp số: 0054/2020/BĐ ngày 22/9/2020 để đảm bảo cho Hợp đồng số: 0054/2020/HĐCV ký ngày 22/9/2020, cha mẹ chị thế chấp tài sản cho Ngân hàng gồm Quyền sử dụng đất số CU 952506, sổ vào sổ cấp GCN: CH03752 diện tích 436,5m<sup>2</sup> thuộc thửa 01, tờ bản số 183-2019; địa chỉ thửa đất: khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện G cấp ngày 08/4/2020 do ông Trương Văn P và bà Võ Thị Tuyết H đứng

tên. Tài sản thế chấp này hiện nay do cha mẹ chị đang trực tiếp ở và không có cầm cố hay thế chấp cho người khác nên không phát sinh người liên quan nào khác.

Từ ngày vay đến ngày 02/2/2024 chị và anh K có trả cho Ngân hàng được số tiền 160.930.601 đồng (trong đó gốc 117.222.212 đồng và lãi 43.708.389 đồng); ngoài ra, không trả được thêm khoản nào.

Tại phiên tòa, chị D thừa nhận chị và anh K đã vi phạm thời gian cam kết trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện là đúng, tiền vay này là chị và anh K vay để về làm ăn và hiện nay chị và anh K vẫn còn sống chung với nhau nên chị và anh K cùng nhau chịu trách nhiệm trả số tiền nợ này cho Ngân hàng. Theo người đại diện ủy quyền của Ngân hàng cho rằng chị và anh K còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 11/3/2025 là 297.771.624 đồng (Trong đó: vốn gốc là 202.777.778 đồng, lãi trong hạn là 81.685.894 đồng và lãi quá hạn là 13.307.942 đồng) là đúng sự thật nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế của chị và anh K rất khó khăn không đủ khả năng trả đủ một lần số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nên chị xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Nếu Ngân hàng không đồng ý theo nguyện vọng trả nợ của chị và anh K thì Ngân hàng cứ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra, chị T1 không trình bày gì thêm.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn P trình bày tại bản tự khai như sau:* Vào năm 2020 con gái của ông là Trương Diễm T1 cùng chồng Võ Hoàng K có vay Ngân hàng TMCP H1 - Chi nhánh H2 số tiền gốc là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) nói là để kinh doanh điện thoại nên ông cùng với vợ tên Võ Thị Tuyết H đã ký Hợp đồng thế chấp số 0054/2020/BĐ ngày 22/9/2020 để đảm bảo cho khoản vay của anh K và chị T1, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số CU 952506, sổ vào sổ cấp GCN: CH03752 diện tích 436,5m<sup>2</sup> thuộc thửa 01, tờ bản số 183-2019; địa chỉ thửa đất: khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện G cấp ngày 08/4/2020 do ông và bà Võ Thị Tuyết H đứng tên. Do chị T1 và anh K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện nhưng vợ chồng chị T1 không có khả năng trả đủ số tiền nợ một lần Ngân hàng nên ông xin Ngân hàng cho chị T1, anh K trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, ông P không trình bày gì thêm.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Tuyết H trình bày tại bản tự khai, tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa như sau:* Bà và ông Trương Văn P là vợ chồng và cũng là cha mẹ ruột của chị T1. Vào năm 2020 bà thấy vợ chồng chị T1 cần tiền để kinh doanh tiệm sửa điện thoại nên bà và ông P có ký kết với Ngân hàng TMCP H1 - Chi nhánh H2 Hợp đồng thế chấp số 0054/2020/BĐ ngày 22/9/2020 để đảm bảo cho vợ chồng chị T1, anh K vay số

tiền gốc là 320.000.000đồng theo Hợp đồng cho vay số: 0054/2020/HĐCV ký ngày 22/9/2020. Theo đó, vợ chồng bà thế chấp tài sản cho Ngân hàng là Quyền sử dụng đất số CU 952506, sổ vào sổ cấp GCN: CH03752 diện tích 436,5m<sup>2</sup> thuộc thửa 01, tờ bản số 183-2019; địa chỉ thửa đất: khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện G cấp ngày 08/4/2020 do bà và ông Trương Văn P đứng tên. Tài sản thế chấp này hiện nay vợ chồng bà đang trực tiếp ở không có cầm cố hay thế chấp cho ai khác.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, do vợ chồng chị T1, anh K không trả nợ theo đúng cam kết, việc này bà cũng biết vì do vợ chồng chị T1 làm ăn không được nên không có tiền trả nợ đúng hạn.

Nay, chị T1 thừa nhận còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 11/3/2025 là 297.771.624đồng (Trong đó: vốn gốc là 202.777.778 đồng, lãi trong hạn là 81.685.894 đồng và lãi quá hạn là 13.307.942đồng) là bà không có ý kiến. Tuy nhiên, vì hoàn cảnh của vợ chồng chị T1 và gia đình bà hiện nay kinh tế rất khó khăn nên bà cũng yêu cầu Ngân hàng cho chị T1, anh K trả dần số tiền nợ mỗi tháng 4.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Nếu Ngân hàng không đồng ý thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì bà cũng không có ý kiến gì. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

***Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký, có đương sự chấp hành đúng, đầy đủ các quy định. Tuy nhiên, có đương sự không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 167 Luật Đất đai 2013; khoản 2 Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H1 buộc anh K, chị T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 11/3/2025 là 297.771.624đồng (Trong đó: vốn gốc là 202.777.778 đồng, lãi trong hạn là 81.685.894 đồng và lãi quá hạn là 13.307.942đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay số: 0054/2020/HĐCV ký ngày 22/9/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ. Nếu anh K, chị T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số: CU 952506, sổ vào sổ CH03752 do UBND huyện G cấp ngày 08/4/2020, phần đất

thửa 01, tờ bản đồ 183-2019, diện tích 436,5 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang, phần đất do ông Trương Văn P và bà Võ Thị Tuyết H đứng tên để thu hồi nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:** Nguyên đơn Ngân hàng TMCP H1 khởi kiện bị đơn anh Võ Hoàng K, chị Trương Diễm T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn P, bà Võ Thị Tuyết H đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh K, chị T1 phải thanh toán nợ theo Hợp đồng cho vay đã ký kết vì anh K, chị T1 đã vi phạm thời hạn trả nợ; nếu anh K, chị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có địa chỉ tại khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập.

Anh Võ Hoàng K với tư cách là bị đơn và ông Trương Văn P với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

**[2] Về nội dung:** Vào ngày 22/9/2020 giữa Ngân hàng TMCP H1 với anh Võ Hoàng K, chị Trương Diễm T1 có ký kết Hợp đồng cho vay số 0054/2020/HĐCV ký ngày 22/9/2020 và Văn bản đồng thuận ngày 22/9/2020 về “vay vốn và cùng trả nợ cho Ngân hàng” và Khế ước nhận nợ số 47082010003065/2020/KUNN- ngày 23/9/2020. Theo đó Ngân hàng cho anh K, chị T1 vay số tiền gốc 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng); Mục đích vay: vay tiêu dùng mua sắm trang thiết bị nội thất gia đình; Thời hạn vay là 72 tháng; Lãi suất vay áp dụng từ ngày giải ngân đến 22/9/2021 là 13,1%/ năm (Lãi suất từ ngày 23/9/2021 bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 4%/năm, thay đổi 3 tháng/lần vào ngày 16 hàng kỳ); Lãi quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn; Phương thức thanh toán: Trả gốc và lãi hàng tháng. Xét, Hợp đồng cho vay số 0054/2020/HĐCV ký ngày 22/9/2020 và Văn bản đồng thuận ngày 22/9/2020 về “vay vốn và cùng trả nợ cho Ngân hàng” và Khế ước nhận nợ số 47082010003065/2020/KUNN- ngày 23/9/2020 giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, từ ngày vay đến ngày 02/2/2024 chị T1 và anh K chỉ trả cho Ngân hàng được số tiền 160.930.601 đồng (trong đó gốc

117.222.212 đồng và lãi 43.708.389 đồng) và thời gian trả cũng không đúng theo thỏa thuận; ngoài ra, anh chị không trả được thêm khoản nào. Do đó, anh K, chị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H1 buộc anh K, chị T1 phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 11/3/2025 là 297.771.624 đồng (Trong đó: vốn gốc là 202.777.778 đồng, lãi trong hạn là 81.685.894 đồng và lãi quá hạn là 13.307.942 đồng) và lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 0054/2020/HĐCV ký ngày 22/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Quá trình giải quyết vụ án anh K, chị T1 đều thừa nhận số tiền nợ theo yêu cầu của Ngân hàng là đúng. Tại phiên tòa, chị T1 và bà H thừa nhận số tiền nợ gốc và lãi theo yêu cầu của đại diện Ngân hàng là đúng sự thật. Xét thấy, cách tính tiền lãi của Ngân hàng TMCP H1 đúng với Hợp đồng cho vay số 0054/2020/HĐCV ngày 22/9/2020, phù hợp với Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét ý kiến trình bày của bị đơn anh K, chị T1 thừa nhận Hợp đồng cho vay số: 0054/2020/HĐCV ký ngày 22/9/2020; Văn bản đồng thuận ngày 22/9/2020 về “vay vốn và cùng trả nợ cho Ngân hàng” và Khế ước nhận nợ số 47082010003065/2020/KUNN- ngày 23/9/2020 và Hợp đồng thế chấp số 0054/2020/BĐ ngày 22/9/2020 mà bên gia đình anh chị đã ký kết với Ngân hàng TMCP H1 là hoàn toàn tự nguyện. Anh K, chị T1 cũng thừa nhận vợ chồng anh chị đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay. Tại phiên tòa, chị T1 thừa nhận còn nợ ngân hàng gốc và lãi tính đến ngày 11/3/2025 là 297.771.624 đồng (Trong đó: vốn gốc là 202.777.778 đồng, lãi trong hạn là 81.685.894 đồng và lãi quá hạn là 13.307.942 đồng) và đồng ý trả cho ngân hàng cùng với lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay đã ký kết. Tuy nhiên, tại bản tự khai của anh K và lời trình bày của chị T1 tại phiên tòa đều cho rằng do làm ăn thất bại, kinh tế gia đình khó khăn nên anh chị không có khả năng trả đủ một lần cho ngân hàng được nên xin trả dần mỗi tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cho đến khi hết nợ nhưng không được đại diện của Ngân hàng TMCP H1 đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét Hợp đồng thế chấp số 0054/2020/BĐ được công chứng số 2684, quyền số 1 TP/CC.SCC/HĐGD tại Văn phòng C vào ngày 22/9/2020 thể hiện: Bên thế chấp là ông Trương Văn P, bà Võ Thị Tuyết H, bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP H1; tài sản bảo đảm gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CU 952506, số vào sổ CH03752 do UBND huyện G cấp ngày 08/4/2020, phần đất thửa 01, tờ bản

đồ 183-2019, diện tích 436,5 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang do ông Trương Văn P và bà Võ Thị Tuyết H đứng tên. Hợp đồng thế chấp số 0054/2020/BĐ ngày 22/9/2020 để thực hiện nghĩa vụ đảm bảo cho Hợp đồng cho vay số: 0054/2020/HĐCV ký ngày 22/9/2020. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận ký kết hợp đồng thế chấp của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại các Điều 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 167 Luật Đất đai 2013 nên cần duy trì để bảo đảm thi hành án.

Xét lời trình bày của ông P, bà H cho thấy ông bà là cha mẹ ruột của chị Trương Diễm T1 và ông bà thừa nhận có tự nguyện ký kết hợp đồng thế chấp tài sản của ông bà để đảm bảo cho số tiền vay của chị T1, anh K là sự thật, phần đất này hiện nay do ông bà đang trực tiếp ở không có thể chấp hay cầm cố cho người thứ ba nào khác. Ông bà cũng biết là anh K, chị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đúng theo thỏa thuận; đồng thời, ông bà cũng cho rằng anh K, chị T1 hiện nay kinh tế khó khăn và ông bà cũng không có khả năng trả nợ thay cho anh K, chị T1 mà ông bà xin Ngân hàng cho T1, K trả dần mỗi tháng 4.000.000 đ (bốn triệu đồng) cho đến khi hết nợ nhưng không được đại diện Ngân hàng TMCP H1 đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét nguyện vọng của ông bà.

Do vậy, trong trường hợp anh K, chị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng TMCP H1 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp do ông P, bà H để thu hồi nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[6]** Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[7]** Về án phí dân sự có giá ngạch: Anh K, chị T1 phải chịu nộp trong tổng số tiền phải trả là: 297.771.624 đồng x 5% = 14.888.581 đồng do anh chị có lỗi trong vụ kiện này.

Ngân hàng TMCP H1 được nhận lại số tiền 5.880.000 đồng (năm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001899 ngày 16/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 167 Luật Đất đai 2013; khoản 2 Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP H1.**

Buộc: anh Võ Hoàng K, chị Trương Diễm T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP H1 số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 11/3/2025 là 297.771.624 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn sáu trăm hai mươi bốn đồng).

*(Trong đó: vốn gốc là 202.777.778 đồng, lãi trong hạn là 81.685.894 đồng và lãi quá hạn là 13.307.942 đồng).*

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP H1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh K, chị T1 chưa thi hành án thì hàng tháng anh chị còn phải chịu lãi tính từ ngày 12/3/2025 theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: 0054/2020/HĐCV ký ngày 22/9/2020 trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi anh K, chị T1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP H1 có nghĩa vụ hoàn trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CU 952506, sổ vào sổ CH03752 do UBND huyện G cấp ngày 08/4/2020, phần đất thửa 01, tờ bản đồ 183-2019, diện tích 436,5 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang do ông Trương Văn P và bà Võ Thị Tuyết H đứng tên cho ông P, bà H.

Trong trường hợp anh K, chị T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP H1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số 0054/2020/BĐ ngày 22/9/2020 gồm: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CU 952506, sổ vào sổ cấp GCN: CH03752 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 08/4/2020, phần đất thửa 01, tờ bản đồ 183-2019, diện tích 436,5 m<sup>2</sup> (đất ở tại đô thị 265,3m<sup>2</sup>; đất trồng cây lâu năm 171,2m<sup>2</sup>), đất tọa lạc tại khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang, do ông Trương Văn P và bà Võ Thị Tuyết H đứng tên.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** là 14.888.581 đồng (mười bốn triệu tám trăm tám mươi tám ngàn năm trăm tám mươi một đồng) anh Võ Hoàng K, chị Trương Diễm T1 phải nộp.

Ngân hàng TMCP H1 được nhận lại số tiền 5.880.000 đồng (năm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001899

ngày 16/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/3/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Danh Thị Kiều Oanh**